

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(Đã được kiểm toán)**



---

Tháng 2 năm 2022

**NỘI DUNG**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 – 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 – 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05 – 34
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 – 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 – 09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 34

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) lập và trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900613295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 30 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 15 tháng 9 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Bà Hà Thị Hải Vân	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)
Ông Vũ Văn Toàn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)
Bà Lưu Thị Thu Thùy	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)
Ông Trần Duy Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)
Bà Vũ Lan Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2021)
Ông Lê Quyết Thắng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2021)
Ông Nguyễn Văn Kiên	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2021)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Dương Hải	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/10/2021)
Ông Trần Duy Cường	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28/10/2021) (Bổ nhiệm ngày 14/1/2021)
Ông Lê Quyết Thắng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14/1/2021)
Ông Hoàng Hải	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/6/2021)

#### **Kế toán trưởng**

Bà Cao Thị Hải Yến	Kế toán trưởng
--------------------	----------------

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Đào Thị Thu Hường	Trưởng ban
Bà Hà Thị An	Thành viên
Bà Phan Thị Diệu Linh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)
Bà Nguyễn Thị Thúy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2021)

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa,  
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán; Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị



**Hà Thị Hải Vân**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hưng Yên, ngày 21 tháng 02 năm 2022



Số: 04NV2/2022/ASCO/BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh

### Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần với Báo cáo tài chính này theo báo cáo kiểm toán số 1507.01.01/2020/BCTC-NVT2 ngày 29 tháng 03 năm 2021.

**Thay mặt và đại diện cho**

**CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO**



**Phạm Ngọc Quân**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số giấy CNĐKHNKT 4493-2019-149-1  
Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2022

**Trần Văn Minh**  
**Kiểm toán viên**  
Số giấy CNĐKHNKT 4025-2022-149-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>518.900.611.267</b>	<b>373.451.473.595</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>8.614.078.932</b>	<b>2.413.161.764</b>
111	1. Tiền		4.196.314.014	2.413.161.764
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.417.764.918	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>209.205.525.815</b>	<b>180.071.276.232</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	175.023.834.795	144.731.628.576
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	28.595.790.691	40.617.257.375
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	11.425.487.004	170.307.004
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(5.839.586.675)	(5.447.916.723)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>299.039.607.158</b>	<b>189.308.570.558</b>
141	1. Hàng tồn kho		299.039.607.158	189.308.570.558
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.041.399.362</b>	<b>1.658.465.041</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		144.158.603	156.790.422
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	9	1.840.274.094	1.444.707.954
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9	56.966.665	56.966.665
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>176.459.580.295</b>	<b>199.317.367.201</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	<b>15.000.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	-	15.000.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>63.727.436.271</b>	<b>72.622.392.861</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	61.702.179.686	69.381.982.316
222	Nguyên giá		130.764.633.245	131.860.358.313
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(69.062.453.559)	(62.478.375.997)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	2.025.256.585	3.240.410.545
225	Nguyên giá		4.860.615.825	4.860.615.825
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.835.359.240)	(1.620.205.280)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>56.654.844.987</b>	<b>56.654.844.987</b>
231	Nguyên giá		56.654.844.987	56.654.844.987
232	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>2.451.109.086</b>	<b>700.000.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.451.109.086	700.000.000
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>53.003.533.569</b>	<b>53.003.533.569</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		53.003.533.569	53.003.533.569
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>622.656.382</b>	<b>1.336.595.784</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		622.656.382	1.336.595.784
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>695.360.191.562</b>	<b>572.768.840.796</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>334.633.825.934</b>	<b>245.856.009.573</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>334.015.075.934</b>	<b>244.412.259.573</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	107.056.544.423	31.801.895.235
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		431.788.960	705.701.109
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	13.825.737.014	757.349.219
314	4. Phải trả người lao động		251.960.003	264.293.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		255.388.716	326.212.388
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		32.480.000	25.763.000
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	211.921.563.968	210.531.045.622
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		239.612.850	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>618.750.000</b>	<b>1.443.750.000</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	618.750.000	1.443.750.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>360.726.365.628</b>	<b>326.912.831.223</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>360.726.365.628</b>	<b>326.912.831.223</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		280.499.680.000	255.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		280.499.680.000	255.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		556.025.698	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		79.670.659.930	71.912.831.223
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		18.107.451.055	66.352.574.239
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		61.563.208.875	5.560.256.984
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>695.360.191.562</b>	<b>572.768.840.796</b>

Hưng Yên, Ngày 21 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Cao Thị Hải Yến

Cao Thị Hải Yến

Hà Thị Hải Vân

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	(Trình bày lại) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.123.697.019.902	778.959.364.574
02	2. Các khoản giảm trừ	18	190.094.095	196.628.874
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.123.506.925.807	778.762.735.700
11	4. Giá vốn hàng bán	19	1.019.249.205.306	745.210.223.029
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ		104.257.720.501	33.552.512.671
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	150.877.272	4.555.659.039
22	7. Chi phí tài chính	21	18.309.555.073	19.079.303.984
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		16.960.418.459	19.213.865.586
25	8. Chi phí bán hàng	22	1.912.698.486	2.661.628.686
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	5.707.823.451	7.466.306.979
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		78.478.520.763	8.900.932.061
31	11. Thu nhập khác	24	84.388.150	94.890.283
32	12. Chi phí khác	25	884.266.959	1.573.284.710
40	13. Lợi nhuận khác		(799.878.809)	(1.478.394.427)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		77.678.641.954	7.422.537.634
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	15.947.433.079	1.862.280.650
52	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		61.731.208.875	5.560.256.984
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16	2.225	179
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	16	1.111	163

Người lập biểu

Cao Thị Hải Yến

Kế toán trưởng

Cao Thị Hải Yến

Hưng Yên, Ngày 21 tháng 02 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hà Thị Hải Vân

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Năm 2021**  
 (theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Năm 2021	Năm 2020
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		VND	VND
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>77.678.641.954</b>	<b>7.422.537.634</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		9.636.888.752	11.196.407.768
03	- Các khoản dự phòng		391.669.952	1.368.954.910
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		1.280.456.747	9.584.769
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		31.080.483	(4.563.973.806)
06	- Chi phí lãi vay		16.960.418.459	19.213.865.586
	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>		<b>105.979.156.347</b>	<b>34.647.376.861</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(16.001.871.972)	95.822.536.522
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(109.731.036.600)	(14.296.145.562)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		76.604.161.370	(64.368.698.665)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		726.571.221	1.469.301.236
14	- Lãi tiền vay đã trả		(17.029.673.536)	(19.433.061.170)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.884.724.657)	(1.364.111.520)
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(374.400.000)	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>36.288.182.173</b>	<b>32.477.197.702</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác		(2.769.599.003)	(788.550.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TSDH khác		94.600.000	286.000.000
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(100.000.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	51.471.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		150.877.272	87.934.520
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(2.524.121.731)</b>	<b>(48.943.615.480)</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*Năm 2021*  
*(theo phương pháp gián tiếp)*

**III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	17	500.515.306.641	378.635.705.425
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(499.949.788.295)	(360.150.370.696)
35	3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(825.000.000)	(825.000.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(27.303.661.620)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(27.563.143.274)</b>	<b>17.660.334.729</b>
50	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>		<b>6.200.917.168</b>	<b>1.193.916.951</b>
60	60 Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	2.413.161.764	1.221.168.629
61	61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(1.923.816)
70	<b>70 Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3</b>	<b>8.614.078.932</b>	<b>2.413.161.764</b>

Giao dịch trong yếu không bằng tiền: Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế với số tiền 25.499.680.000 VND. Xem chi tiết tại thuyết minh số 16 – “Vốn chủ sở hữu.”

Người lập biểu

Cao Thị Hải Yên

Kế toán trưởng

Cao Thị Hải Yên

Hưng Yên, Ngày 21 tháng 02 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hà Thị Hải Vân

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2021**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0900613295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 30 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 15 tháng 9 năm 2021.

Ngày 13/11/2018, ủy ban Chứng khoán Nhà nước có công văn số 7595/UBCK-GSĐC chấp thuận Công ty cổ phần Quốc tế Phương Anh trở thành công ty đại chúng.

Ngày 21/11/2018, Công ty cổ phần Quốc tế Phương Anh được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 105/2018/GCNCP-VSD với mã chứng khoán là PAS.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam..

Vốn điều lệ của Công ty là 280.499.680.000 đồng, tương đương 28.049.968 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại: buôn bán kim loại và quặng kim loại, các loại sắt thép. Gia công cơ khí và tráng phủ kim loại.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

**Nhân viên**

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 48 người (tại ngày 31/12/2020 là 56 người).

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### *Cơ sở lập báo cáo tài chính*

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **2.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.6 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm và được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

## **2.7 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.8 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.9 Tài sản cố định và tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khi tài sản cố định hữu hình, vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm

### ***Tài sản cố định hữu hình***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

### ***Tài sản cố định thuê tài chính***

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi

nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định, tài sản thuê tài chính được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 10

#### **2.10 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không thực hiện trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán

#### **2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

#### **2.12 Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **2.13 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### **2.14 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### **2.15 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê. Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

### **2.16 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

### **2.17 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư phát triển:* Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành:* Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### **2.18 Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng* được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ* được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:



- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

#### ***Thu nhập khác***

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh mà Công ty đã thu và các khoản phạt vi phạm hợp đồng chắc chắn thu được (ngoại trừ khoản phạt về bản chất là giảm giá hàng mua, giảm thanh toán).

### **2.19 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

### **2.20 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **2.21 Chi phí tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái

### **2.22 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **2.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 2.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

## 2.25 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	689.924.454	325.411.691
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.506.389.560	2.087.750.073
Các khoản tương đương tiền	4.417.764.918	-
<b>Cộng</b>	<b><u>8.614.078.932</u></b>	<b><u>2.413.161.764</u></b>

Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội Chi nhánh Vĩnh Phúc.

**4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thép Miền Nam	26.727.061.540	-	19.631.240.128	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Á	1.732.092.354	-	55.439.233.157	-
Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại và Xuất nhập khẩu Vạn Xuân Asian Impex Ltd	10.662.647.501	-	-	-
Công Ty TNHH Đầu tư Xây dựng Và Thương mại Đại Dương Xanh	25.488.863.795	-	26.569.250.092	-
Công ty Cổ phần Khai thác khoáng sản Lam Sơn	34.683.278.231	-	-	-
Công Ty TNHH Tư vấn Và Thương mại Nam Thăng Long	11.590.447.563	-	-	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghiệp và Thương mại Việt Nam	22.949.225.533	-	-	-
Các khách hàng khác	6.256.233.709	-	-	-
<b>Cộng</b>	34.933.984.569	4.103.686.675	43.091.905.199	4.095.038.645
	<b>175.023.834.795</b>	<b>4.103.686.675</b>	<b>144.731.628.576</b>	<b>4.095.038.645</b>

**5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Global Posco Co.,Ltd	23.349.751.287	-	23.608.690.084	-
Công ty TNHH IPS Engineering	1.660.500.000	1.660.500.000	1.660.500.000	1.162.350.000
Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn	-	-	11.865.066.150	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	-	-	3.076.215.690	-
Các đối tượng khác	3.585.539.404	75.400.000	406.785.451	190.528.078
<b>Cộng</b>	<b>28.595.790.691</b>	<b>1.735.900.000</b>	<b>40.617.257.375</b>	<b>1.352.878.078</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào,  
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>11.425.487.004</b>	-	<b>170.307.004</b>	-
Tạm ứng	7.180.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	11.418.307.004	-	170.307.004	-
Bà Nguyễn Thị Hương (1)	10.208.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Xuân Thu (2)	1.040.000.000	-	-	-
Phải thu khác	170.307.004	-	170.307.004	-
<b>Cộng</b>	<b>11.425.487.004</b>	-	<b>170.307.004</b>	-
<b>Phải thu khác dài hạn</b>	-	-	<b>15.000.000.000</b>	-
Bà Nguyễn Thị Hương (1)	-	-	13.500.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Thu (2)	-	-	1.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>15.000.000.000</b>	-

- (1) Hợp đồng ký cược số 100720 ký giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh và bà Nguyễn Thị Hương ngày 10/07/2020 và phụ lục kèm theo
- + Mục đích: Mượn tài sản để đảm bảo khoản vay vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc;
  - + Số tiền ký cược tại thời điểm cuối kỳ: 10.208.000.000 VNĐ;
  - + Tài sản mượn bao gồm:
    - Bất động sản tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác ở gắn liền với đất số BN 940241 số vào sổ cấp GCN: CH03082 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 04/11/2013 cho ông Vũ Trọng Trương; đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Thư và bà Nguyễn Thị Hương ngày 24/11/2015.
    - Bất động sản tại thửa đất số 2, tờ bản đồ số 757, lô A16, khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn - Trà Điện Ngọc, phường Thọ Quang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận số BA 645827 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010 cho Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Trang; đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Thư và bà Nguyễn Thị Hương ngày 07/01/2019.
- (2) Hợp đồng ký cược số 100720-2 ký giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh và ông Nguyễn Xuân Thu ngày 10/07/2020 và phụ lục kèm theo
- + Mục đích: Mượn tài sản để đảm bảo khoản vay vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc;
  - + Số tiền ký cược tại thời điểm cuối kỳ: 1.040.000.000 VNĐ;

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa,  
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

+ Tài sản mượn: Căn hộ 1402A chung cư cao cấp 30 tầng FLC Lanmark Tower, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 960461, sổ vào sổ cấp GCN: CH00418 do UBND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/08/2014 cho ông Nguyễn Xuân Thu.

Tiền đặt cọc và tài sản sẽ được chuyển giao lại cho các bên trước ngày 30/09/2022 nếu các bên không có thỏa thuận gia hạn hoặc các thỏa thuận khác.

**7. NỢ XẤU**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>				
<i>Công nợ quá hạn từ 3 năm trở lên.</i>				
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thép Đại Thành Phát	2.260.582.089	-	2.260.582.089	-
- Công ty Cổ phần TSC Hà Nội	519.868.800	-	519.868.800	-
- Công ty TNHH Thương mại và Kim khí Minh Hiếu	460.224.740	-	460.224.740	-
- Công ty TNHH Sản xuất thương mại Lâm Quan Thanh	421.548.384	-	421.548.384	-
- Công ty Cổ phần Vật liệu Hàn Thiện Phúc	189.262.427	-	189.262.427	-
<i>Công nợ quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm.</i>				
- Công ty TNHH Cơ Khí chính xác Tân Minh Ngọc	43.240.144	12.972.041	43.240.144	21.620.072
<i>Công nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.</i>				
- Công ty Cổ phần Đức Dương Việt Nam	443.864.265	221.932.133	443.864.265	221.932.131
- Asian Impex Ltd	25.488.863.795	25.488.863.795	26.569.250.092	26.569.250.092
<b>Trả trước cho người bán</b>				
<i>Công nợ quá hạn từ 3 năm trở lên.</i>				
- Công ty TNHH IPS Engineering	1.660.500.000	-	1.660.500.000	498.150.000
- Công ty Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	33.000.000	-	33.000.000	-
- Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp	22.000.000	-	22.000.000	-
- Công ty TNHH Tư vấn quản lý và Phát triển doanh nghiệp	20.400.000	-	20.400.000	-
<i>Công nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.</i>				
- Công Ty Cổ Phần Cơ Điện và PCCC Thái Dương	-	-	230.256.155	115.128.078
- Global Posco Co.,Ltd	23.349.751.287	23.349.751.287	23.608.690.084	23.608.690.084
<b>Cộng</b>	<b>54.913.105.931</b>	<b>49.073.519.256</b>	<b>56.482.687.180</b>	<b>51.034.770.457</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Hàng đi trên đường	7.548.019.276	-	5.231.249.197	-
Nguyên liệu, vật liệu	942.435.644	-	1.097.465.711	-
Công vụ, dụng cụ	80.681.767	-	398.473.067	-
Thành phẩm	2.131.843.376	-	10.332.375.079	-
Hàng hóa	288.336.627.095	-	172.249.007.504	-
<b>Cộng</b>	<b>299.039.607.158</b>	<b>-</b>	<b>189.308.570.558</b>	<b>-</b>

  

	01/01/2021		Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	31/12/2021	
	Phải thu VND	Phải nộp VND			Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.444.707.954	-	112.213.983.343	111.818.417.203	1.840.274.094	-
<b>Cộng</b>	<b>1.444.707.954</b>	<b>-</b>	<b>112.213.983.343</b>	<b>111.818.417.203</b>	<b>1.840.274.094</b>	<b>-</b>
<b>Thuế và các khoản phải thu phải nộp nhà nước</b>						
Thuế giá trị gia tăng	23.829.364	-	111.961.283.293	111.961.283.293	23.829.364	-
Thuế xuất, nhập khẩu	33.137.301	-	-	-	33.137.301	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	631.968.462	15.947.433.079	3.884.724.657	-	12.694.676.884
Thuế thu nhập cá nhân	-	19.800.000	387.974.825	-	-	407.774.825
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.159.916.392	872.787.592	-	287.128.800
Lệ phí môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	105.580.757	342.476.940	11.901.192	-	436.156.505
<b>Cộng</b>	<b>56.966.665</b>	<b>757.349.219</b>	<b>129.803.084.529</b>	<b>116.734.696.734</b>	<b>56.966.665</b>	<b>13.825.737.014</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2021	67.591.873.854	55.971.585.479	7.441.862.727	293.308.980	561.727.273	131.860.358.313
Mua trong năm	-	549.006.364	-	-	469.483.553	1.018.489.917
Thanh lý, nhượng bán	(55.170.000)	(1.505.127.712)	(496.500.000)	-	(57.417.273)	(2.114.214.985)
<b>31/12/2021</b>	<b>67.536.703.854</b>	<b>55.015.464.131</b>	<b>6.945.362.727</b>	<b>293.308.980</b>	<b>973.793.553</b>	<b>130.764.633.245</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2021	16.817.749.614	39.409.096.606	5.396.493.524	293.308.980	561.727.273	62.478.375.997
Khấu hao	2.921.303.852	4.445.979.576	1.054.451.364	-	-	8.421.734.792
Thanh lý, nhượng bán	(55.170.000)	(1.228.569.957)	(496.500.000)	-	(57.417.273)	(1.837.657.230)
<b>31/12/2021</b>	<b>19.683.883.466</b>	<b>42.626.506.225</b>	<b>5.954.444.888</b>	<b>293.308.980</b>	<b>504.310.000</b>	<b>69.062.453.559</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2021	50.774.124.240	16.562.488.873	2.045.369.203	-	-	69.381.982.316
31/12/2021	47.852.820.388	12.388.957.906	990.917.839	-	469.483.553	61.702.179.686

- Trong đó:
- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 53.390.249.251 đồng (Giá trị đầu kỳ là 56.410.082.951 đồng).
  - Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.529.481.860 đồng (Giá trị đầu kỳ là 8.554.079.860 đồng).

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2021	4.860.615.825	4.860.615.825
<b>31/12/2021</b>	<b>4.860.615.825</b>	<b>4.860.615.825</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
01/01/2021	1.620.205.280	1.620.205.280
Khấu hao	1.215.153.960	1.215.153.960
<b>31/12/2021</b>	<b>2.835.359.240</b>	<b>2.835.359.240</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2021	3.240.410.545	3.240.410.545
<b>31/12/2021</b>	<b>2.025.256.585</b>	<b>2.025.256.585</b>

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Khoản mục	Giá trị quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2021	56.654.844.987	56.654.844.987
<b>31/12/2021</b>	<b>56.654.844.987</b>	<b>56.654.844.987</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
01/01/2021	-	-
Khấu hao	-	-
<b>31/12/2021</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2021	56.654.844.987	56.654.844.987
<b>31/12/2021</b>	<b>56.654.844.987</b>	<b>56.654.844.987</b>

**Trong đó**

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất thửa đất số 197 tại Đà Nẵng (1)	25.073.061.987	-	25.073.061.987
Quyền sử dụng đất thửa đất số 99 tại Đà Nẵng (2)	31.581.783.000	-	31.581.783.000
<b>Cộng</b>	<b>56.654.844.987</b>	<b>-</b>	<b>56.654.844.987</b>

- (1) Là quyền sử dụng thửa đất số 18 tờ bản đồ số 758 (Nay là thửa đất số 197 tờ bản đồ số 79) tại Lô B7 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 645774, số vào sổ cấp GCN: CT01687 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/11/2010; đã chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất số 476/2017 tại Văn phòng công chứng Sông Hà thành phố Đà Nẵng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa,  
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

---

- (2) Là quyền sử dụng thửa đất số 2 tờ bản đồ số A2-1 (Nay là thửa đất số 99 tờ bản đồ số 61) tại Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Ngọc Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 992090, sổ vào sổ cấp GCN: CT09442 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/10/2011; đã chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất số 6282/2016 tại Văn phòng công chứng Sông Hà thành phố Đà Nẵng. Bất động sản này đang được đảm bảo thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1749 quyền số: T TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/08/2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 2291 quyền số 01T,TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/07/2019.



**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2020			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	53.003.533.569	-	-	53.003.533.569	-	-
<b>Cộng</b>	<b>53.003.533.569</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>53.003.533.569</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán và chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long	Đường Hạ Long - Khu 4, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	45,00%	45,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Marubeni Itochu Steel Việt Nam	29.419.096.164	29.419.096.164	29.687.074.298	29.687.074.298
Công ty Cổ phần Everland Phú Yên	57.842.537.221	57.842.537.221	-	-
Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn	5.583.521.361	5.583.521.361	-	-
Công ty TNHH Phúc Viên Xuân	4.695.261.812	4.695.261.812	-	-
Phải trả người bán khác	9.516.127.865	9.516.127.865	2.114.820.937	2.114.820.937
<b>Cộng</b>	<b>107.056.544.423</b>	<b>107.056.544.423</b>	<b>31.801.895.235</b>	<b>31.801.895.235</b>

Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa,  
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2021		Biến động trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>						
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>209.706.045.622</i>	<i>209.706.045.622</i>	<i>500.515.306.641</i>	<i>499.124.788.295</i>	<i>211.096.563.968</i>	<i>211.096.563.968</i>
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội (1)	118.572.444.078	118.572.444.078	276.163.663.504	274.778.831.995	119.957.275.587	119.957.275.587
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc (2)	91.133.601.544	91.133.601.544	224.351.643.137	224.345.956.300	91.139.288.381	91.139.288.381
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>825.000.000</i>	<i>825.000.000</i>	<i>825.000.000</i>	<i>825.000.000</i>	<i>825.000.000</i>	<i>825.000.000</i>
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NIITMCP Ngoại thương Việt Nam (3)	825.000.000	825.000.000	825.000.000	825.000.000	825.000.000	825.000.000
<b>Cộng</b>	<b>210.531.045.622</b>	<b>210.531.045.622</b>	<b>501.340.306.641</b>	<b>499.949.788.295</b>	<b>211.921.563.968</b>	<b>211.921.563.968</b>
<b>Dài hạn</b>						
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i>	<i>1.443.750.000</i>	<i>1.443.750.000</i>	-	<i>825.000.000</i>	<i>618.750.000</i>	<i>618.750.000</i>
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NIITMCP Ngoại thương Việt Nam (3)	1.443.750.000	1.443.750.000	-	825.000.000	618.750.000	618.750.000
<b>Cộng</b>	<b>1.443.750.000</b>	<b>1.443.750.000</b>	-	<b>825.000.000</b>	<b>618.750.000</b>	<b>618.750.000</b>

(1) Hợp đồng tín dụng số HDTD1002021313 ngày 17/12/2021 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VNĐ;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: 1 năm kể từ ngày 17/12/2021 đến 16/12/2022;
- Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng khung ước nhận nợ;

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa,  
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty cụ thể như sau:**

- Bất động sản thừa đất số 99, tờ bản đồ số 61, địa chỉ tại Tổ hợp Trung tâm Thương mại, Văn phòng cho thuê, Nhà ở cao tầng và Biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc, thuộc dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 992090; số vào sổ cấp GCN: CT09442 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/10/2011.
- Các hạng mục công trình thuộc nhà máy gia công Inox Thành Nam tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 07, địa chỉ xã Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 561470; số vào sổ cấp GCN: CT 00471 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp ngày 18/11/2011.
- Các khoản thu từ việc kinh doanh, khai thác giá trị của quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 07, địa chỉ tại phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
- Xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai, biển kiểm soát: 89C-079.56 mang tên Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hợp đồng thế chấp số 237/2017/HĐTC/CNHaNoi ngày 13/10/2017
- Sổ tiết kiệm, hợp đồng tiền gửi, Bất động sản, ô tô thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh.

(2) Hợp đồng tín dụng số 33/2021/HĐHM-PN/SHB.112500 ngày 26/2/2021 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VNĐ;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thép các loại;
- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng khung ước nhận nợ;

**Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty và bên thứ 3, chi tiết như sau:**

- Quyền sử dụng đất tại Xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội (Nay là phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 314551, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: 01051 QSDĐ/753/QĐ-UBH do UBND huyện Từ Liêm, TP Hà Nội cấp ngày 23/04/2004. Đã đính chính địa chỉ thửa đất ngày 13/08/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Nam Từ Liêm
- Quyền sử dụng đất tại lô A15 đường Vũ Ngọc Nhạ, Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng thửa đất số 154 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CE 722381, số vào sổ cấp GCN: CTs 113946 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/11/2016.
- Quyền sử dụng đất tại lô A18 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, thửa đất số 6 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645829 số vào sổ GCN: CT1732 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa,  
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- Quyền sử dụng đất tại lô A17 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng thừa đất số 4 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645828, số vào sổ cấp GCN: CT01731 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2020.
- Quyền sở hữu hợp pháp 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu: HINO, số loại: FL8JTSL, màu sơn: trắng, số khung: 8JTSFXX17213, số máy: J08EUF17309, số chỗ ngồi: 03, Biển số đăng ký: 29C-813.14 theo đăng ký xe ô tô số 277194 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 09/08/2016, đăng ký lần đầu ngày 09/08/2016.
- Quyền sở hữu hợp pháp 01 xe ô tô con, nhãn hiệu: JAGUAR, số loại: FTYPER, màu sơn: Đỏ, số khung: 67E8GMK24286, số máy: 2321394508PS, số chỗ ngồi 02, Biển số đăng ký: 51F-736.41 theo đăng ký xe ô tô số 187740 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/07/2016, đăng ký lần đầu ngày 14/07/2016.
- Quyền sử dụng đất tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN940241, số Quyết định: 7222/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH03082 do UBND huyện Từ Liêm (cũ), TP Hà Nội cấp ngày 04/11/2013.
- Căn hộ chung cư số 1402A, diện tích: 159m2 theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 960461, số QĐ: 1874/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH00418 do UBND quận Nam Từ Liêm TP Hà Nội cấp ngày 29/08/2014.
- Quyền sử dụng đất tại lô A16 khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645827 số vào sổ GCN: CT01729 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010.
- Quyền sử dụng đất tại lô B4.1-5 Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc, thuộc Dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 645940, số vào sổ cấp GCN CT01829 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2010.
- Quyền sử dụng đất tại lô B4.3-18 Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc, thuộc Dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 645933, số vào sổ cấp GCN CT01787 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2010.
- Căn hộ chung cư số 2505, tại Tòa chung cư NO10, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, diện tích: 123,6 m2 theo GCN quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 166809, số vào sổ cấp GCN: CS 36629 do Sở tài nguyên và môi trường TP Hà Nội cấp ngày 02/12/2016.
- Quyền sở hữu hợp pháp 01 xe ô tô con Pickup, nhãn hiệu: PORD, số loại RAPTOR, màu sơn: Xanh, số máy: YN2QX203953, số khung: FE60KX203953 số chỗ ngồi: 05 biển số đăng ký: 30F-642.50, nước sản xuất: Thái Lan, năm sản xuất: 2018 theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 582749 do Phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 26/03/2019, đăng ký lần đầu ngày 26/03/2019.

(3) Hợp đồng thuê tài chính số 39.19.03/CTTC ngày 29 tháng 8 năm 2019 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NIITMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa,  
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- Loại tài sản: Máy xén quay MINI ROTARY SHEAR MACHINE 2.0(2.3)t x 600w x 5ton, nhãn hiệu AMADA, xuất xứ Nhật Bản, sản xuất năm 2010, chất lượng đã qua sử dụng và phụ kiện kèm theo.
- Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tổng giá trị tài sản: 5.346.677.408 VNĐ đã bao gồm VAT, số tiền trả trước 2.046.677.408 VNĐ;
- Tổng giá trị nợ gốc: 3.300.000.000 VNĐ;
- Thời hạn thuê: 48 tháng;
- Lãi suất cho thuê: Áp dụng cụ thể tại thời điểm giải ngân;
- Số dư nợ gốc còn phải trả: 1.856.250.000 VNĐ;

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận	Cộng
	chủ sở hữu	phát triển	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>255.000.000.000</b>	-	<b>66.352.574.239</b>	<b>321.352.574.239</b>
Lãi trong năm	-	-	5.560.256.984	5.560.256.984
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>255.000.000.000</b>	-	<b>71.912.831.223</b>	<b>326.912.831.223</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>255.000.000.000</b>	-	<b>71.912.831.223</b>	<b>326.912.831.223</b>
Tăng vốn trong năm	25.499.680.000	-	-	25.499.680.000
Lãi trong năm	-	-	61.731.208.875	61.731.208.875
Chia các quỹ	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	556.025.698	(53.973.380.168)	(53.417.354.470)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>280.499.680.000</b>	<b>556.025.698</b>	<b>79.670.659.930</b>	<b>360.726.365.628</b>

(\*) **Chi tiết phân phối lợi nhuận**

**Nội dung**

	<u>Số tiền</u>
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	556.025.698
Thù lao HĐQT và BKS năm 2020 (i)	278.012.850
Thù lao HĐQT và BKS năm 2021 (i)	168.000.000
Chi trả cổ tức 2019 (i)	168.000.000
Chi trả cổ tức 2020 (ii)	7.896.996.500
Bổ sung nguồn vốn kinh doanh năm 2021 (i)	19.406.665.120
	25.499.680.000

**Cộng**

- 53.973.380.168**
- (i) Theo Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông số 01/2021/BB-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2021, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐQT-PAS ngày 05/01/2021 và Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 04/BC-PAS ngày 02/03/2021.
- (ii) Theo nghị quyết số 23/2021/NQ/HĐQT-PAS ngày 02/12/2021, Công ty quyết định chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỉ lệ 8%/mệnh giá (1 cổ phiếu nhận 800 đồng). Ngày thanh toán cổ tức là 31/12/2021.

**Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	28.049.968	25.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.049.968	25.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.049.968	25.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.049.968	25.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.049.968	25.500.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021	Năm 2020 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61.794.325.057	5.560.256.984
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khác	168.000.000	1.002.038.548
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	27.672.712	25.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>2.227</b>	<b>179</b>

**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2021	Năm 2020 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61.794.325.057	5.560.256.984
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và các khoản khác	168.000.000	1.002.038.548
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	27.672.712	25.500.000
Số cổ phiếu phổ thông bình quân dự kiến phát hành thêm	28.049.968	2.549.968
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.112</b>	<b>163</b>

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 29/06/2021 đã thông qua tờ trình số 19/2021/TT-DHĐCĐ-PAS ngày 20/06/2021, Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh dự kiến sẽ phát hành thêm 28.049.968 cổ phiếu trong Quý III hoặc Quý IV năm 2021 và Quý I năm 2022.



**17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
Ngoại tệ các loại		
USD	1.445	1.445
JPY	4.816.000	-

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	1.114.265.541.361	771.645.065.268
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.431.478.541	7.314.299.306
<b>Cộng</b>	<b>1.123.697.019.902</b>	<b>778.959.364.574</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	171.840.335	196.628.874
Giảm giá hàng bán	18.253.760	-
<b>Cộng</b>	<b>190.094.095</b>	<b>196.628.874</b>
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.123.506.925.807</b>	<b>778.762.735.700</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hàng bán hàng hóa và thành phẩm	1.009.627.072.835	737.158.775.441
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.622.132.471	8.051.447.588
<b>Cộng</b>	<b>1.019.249.205.306</b>	<b>745.210.223.029</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	150.877.272	87.934.520
Lãi chuyển nhượng cổ phần	-	4.474.533.569
Các khoản khác	-	(6.809.050)
<b>Cộng</b>	<b>150.877.272</b>	<b>4.555.659.039</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	16.960.418.459	19.213.865.586
Lãi trả chậm	-	115.485.111
Lỗi chênh lệch tỷ giá	1.349.136.614	9.584.770
Các khoản khác	-	(259.631.483)
<b>Cộng</b>	<b>18.309.555.073</b>	<b>19.079.303.984</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa,  
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	919.960.000	1.104.636.000
Chi phí dụng cụ đồ dùng	12.460.351	214.359.850
Chi phí khấu hao tài sản	470.042.268	470.042.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	162.249.698	767.911.790
Chi phí khác bằng tiền	347.986.169	104.678.778
<b>Cộng</b>	<b>1.912.698.486</b>	<b>2.661.628.686</b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.277.897.000	1.662.504.023
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.017.026.333	717.881.386
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.121.225.681	1.235.618.404
Thuế, phí, lệ phí	33.817.858	453.141.538
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	391.669.952	1.368.954.910
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.434.966.288	1.250.984.597
Chi phí khác bằng tiền	431.220.339	777.222.121
<b>Cộng</b>	<b>5.707.823.451</b>	<b>7.466.306.979</b>

**24. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.505.717
Các khoản khác	84.388.150	93.384.566
<b>Cộng</b>	<b>84.388.150</b>	<b>94.890.283</b>

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lỗi thanh lý tài sản cố định	181.957.755	-
Các khoản bị phạt	259.702.932	1.008.907.042
Chi phí khấu hao không hợp lệ	402.853.304	519.338.523
Các khoản khác	39.752.968	45.039.145
<b>Cộng</b>	<b>884.266.959</b>	<b>1.573.284.710</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	77.678.641.954	7.422.537.634
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	2.058.523.441	1.888.865.618
<i>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</i>	<i>978.137.144</i>	<i>1.888.865.618</i>
Chi phí không được khấu trừ (không hợp lệ)	978.137.144	1.888.865.618
<i>Các khoản chênh lệch tạm thời</i>	<i>1.080.386.297</i>	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá của các khoản phải thu	1.080.386.297	-
<b>Lợi nhuận sau điều chỉnh</b>	<b>79.737.165.395</b>	<b>9.311.403.252</b>
Lỗi tính thuế năm trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>79.737.165.395</b>	<b>9.311.403.252</b>
Thuế suất (%)	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp ước tính</b>	<b>15.947.433.079</b>	<b>1.862.280.650</b>
Ưu đãi thuế TNDN	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>15.947.433.079</b>	<b>1.862.280.650</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.511.225.000	4.690.968.023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	118.470.026.332	110.375.294.495
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.629.729.662	11.196.407.768
Thuế phí, lệ phí	33.817.858	453.141.538
Các khoản dự phòng	391.669.952	1.368.954.910
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.621.377.169	2.533.394.566
Chi phí khác bằng tiền	1.483.193.682	881.900.899
<b>Cộng</b>	<b>136.141.039.655</b>	<b>131.500.062.199</b>

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Hội đồng Quản trị
- Ban Tổng Giám đốc
- Ban kiểm soát
- Kế toán trưởng
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long (Công ty liên kết)

Giao dịch cổ tức – Xem chi tiết tại thuyết minh số 16 – Vốn chủ sở hữu

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH**

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa,  
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Thu nhập của thành viên Ban điều hành Công ty**

	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
<b>Hội đồng quản trị</b>			
Bà Hà Thị Hải Vân	Chủ tịch	12.000.000	-
Ông Vũ Văn Toàn	Thành viên	12.000.000	-
Bà Lưu Thị Thu Thùy	Thành viên	52.636.000	63.334.926
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Thành viên	191.293.000	110.437.766
Ông Nguyễn Văn Kiên	Đã miễn nhiệm	84.621.000	15.218.000
Bà Nguyễn Thị Hằng	Đã miễn nhiệm	-	119.493.000
Bà Vũ Lan Phương	Đã miễn nhiệm	-	118.166.250
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Nguyễn Dương Hải	Tổng Giám đốc	58.636.000	-
Ông Lê Quyết Thắng	Đã miễn nhiệm	32.434.000	8.659.000
Ông Trần Duy Cường	Đã miễn nhiệm	154.570.000	92.044.348
Ông Trần Trung Dũng	Đã miễn nhiệm	-	116.269.676
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Bà Đào Thị Thu Hương	Trưởng ban	107.966.000	68.473.915
Bà Hà Thị An	Thành viên	89.216.000	75.157.117
Bà Phan Thị Diệu Linh	Thành viên	6.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thúy	Đã miễn nhiệm	42.573.000	76.531.748
<b>Kế toán trưởng</b>			
Bà Cao Thị Hải Yến	Kế toán trưởng	95.735.000	37.180.851

**29. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động chính của Công ty là các hoạt động liên quan đến bán buôn sắt, thép; gia cơ khí, xử lý và trang phủ kim loại phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý. Đồng thời, tổng doanh thu bộ phận của hoạt động kinh doanh khác nhỏ hơn (<) 10% tổng doanh thu của tất cả các bộ phận nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu cần phải điều chỉnh, thuyết minh trên Báo cáo tài chính của Công ty kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo này.

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu



Cao Thị Hải Yến

Kế toán trưởng



Cao Thị Hải Yến

Hưng Yên, Ngày 21 tháng 02 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hà Thị Hải Vân